

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG (DIỆN TÍCH 2,75 HA) TẠI SÔNG KIM SƠN, XÃ AN ĐỨC VÀ XÃ AN THẠNH, HUYỆN HOÀI AN, TỈNH BÌNH ĐỊNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV GIA HƯNG QUỐC THỊNH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2832/STNMT-CCBVMТ ngày 13/10/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (diện tích 2,75 ha) tại sông Kim Sơn, xã An Đức và xã An Thạnh, huyện Hoài An của Công ty TNHH MTV Gia Hưng Quốc Thịnh;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (diện tích 2,75 ha) tại sông Kim Sơn, xã An Đức và xã An Thạnh, huyện Hoài An đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản 29/CV-GHQТ ngày 24/11/2022 của Công ty TNHH MTV Gia Hưng Quốc Thịnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1016/TTr-STNMT ngày 29/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM của dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (diện tích 2,75 ha) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH MTV Gia Hưng Quốc Thịnh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại sông Kim Sơn, xã An Đức và xã An Thạnh, huyện Hoài An với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Hoài Ân;
- UBND xã Ân Đức
- UBND xã Ân Thạnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG
(DIỆN TÍCH 2,75 HA) TẠI SÔNG KIM SƠN, XÃ AN ĐỨC VÀ
XÃ AN THẠNH, HUYỆN HOÀI AN, TỈNH BÌNH ĐỊNH
CỦA CÔNG TY TNHH MTV GIA HUNG QUỐC THỊNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (diện tích 2,75 ha).
- Địa điểm thực hiện: tại sông Kim Sơn, xã An Đức và xã An Thạnh, huyện Hoài An, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Gia Hưng Quốc Thịnh.
- Địa chỉ liên hệ: tổ 7, khu vực 2, Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: 0973743296 (Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, Giám đốc).

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích: 2,75 ha.
- Tuổi thọ mỏ: 04 năm. Thời hạn khai thác 02 năm; khai thác từ ngày 01/01 đến hết ngày 15/9 hàng năm (theo Thông báo số 176/TB-UBND ngày 07/8/2019 và Văn bản số 5958/UBND-KT ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh).
- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h00 và từ 13h00 đến 17h00).
- Công suất khai thác: 13.000 m³ cát địa chất/năm (tương ứng 14.755 m³ cát nguyên khai/năm); chiều sâu khai thác trung bình từ 1,95 m - 2,0 m.

1.3. Phương pháp khai thác: Phân 04 lô khai thác để thực hiện khai thác trong 04 năm. Mở vỉa khai thác từ phía Tây Bắc Dự án (tại điểm góc số 2) thuộc lô 1, khai thác theo lớp bằng. Tuyến khai thác được phát triển theo tuyến song song với hướng dòng chảy của sông, khai thác theo dải, từ lòng sông vào bờ, từ thượng lưu về hạ lưu. Sử dụng 01 máy đào (dung tích gầu 1,25m³) để khai thác, tập kết cát tại bãi lưu chứa tạm trước khi đưa lên ô tô vận chuyển tải trọng 10 tấn đến nơi tiêu thụ.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Khu vực phụ trợ, diện tích khoảng 709,6 m² (nằm ngoài ranh giới mỏ, cách dự án khoảng 75 m về phía Nam): bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động, lắp đặt trạm cân, camera, bảng thông báo và bãi tập kết xe.
- Bãi lưu chứa cát tạm (nằm trong khu vực mỏ) diện tích khoảng 500 m²

để thực hiện lưu chứa cát rút nước, đảm bảo cát khô trước khi vận chuyển tiêu thụ. Thời gian lưu chứa tối đa 2 ngày và thu dọn, tháo dỡ trước 30/9 hàng năm.

- Tuyến đường vận tải ngoài mỏ: Xây dựng mới tuyến đường đất nối từ đường bê tông đến bờ sông có kích thước (dài 130 m x rộng 4 m); sử dụng tuyến đường trên bãi bồi từ bờ sông đến ranh giới mỏ có kích thước (dài 90 m x rộng 4 m) vào ranh giới dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không có.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Tuyến đường nội bộ và bãi tập kết cát có khả năng gây cản trở dòng chảy trong mùa mưa.

- Hoạt động khai thác cát tại dự án gây nguy cơ sạt lở bờ, ảnh hưởng đến diện tích hoa màu của bà con.

- Hoạt động vận chuyển cát đi tiêu thụ có nguy cơ gây rơi vãi, bụi và hư hỏng đến tuyến đường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải: Nước thải sinh hoạt khoảng 0,56 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Khí thải, bụi: phát sinh từ quá trình khai thác, lưu chứa tạm và vận chuyển cát.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 4,2 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng;

- Chất thải nguy hại phát sinh tại khu mỏ:

+ Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 01 kg/năm.

+ Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung: tiếng ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển cát đến nơi tiêu thụ.

3.4. Các tác động khác: không.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

Đối với nước thải sinh hoạt: Bố trí nhà vệ sinh di động tại khu vực phụ trợ để thu gom, xử lý. Khi bể đầy, thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Đối với các phương tiện vận chuyển cát: vận chuyển cát khô, đúng tải trọng; phủ bạt kín trong quá trình vận chuyển không để rơi vãi ra đường.

- Trên tuyến đường vận chuyển cát tại những đoạn đi qua khu dân cư: thực hiện phun nước với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng.

- Khu vực bãi tập kết cát: thực hiện che chắn đảm bảo giảm thiểu bụi, cát bay.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

| STT | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Khối lượng | Kết quả đạt được | Thời gian thực hiện |
|----------|---------------------------------------|----------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| I | Khu vực mỏ | | | | |
| 1. | Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ | cái | 07 | Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác | Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc dự án |
| 2. | San gạt mặt bằng mỏ | m ³ | 2.905,65 | Đảm bảo địa hình kết thúc sau khai thác thoải trong bờ ra lòng sông, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh | Hoàn thành trước ngày 30/9 hàng năm |
| 3. | Tháo dỡ tuyến đường tạm trong mỏ | m ³ | 3.760 | Khơi thông dòng chảy | |

| STT | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Khối lượng | Kết quả đạt được | Thời gian thực hiện |
|-----------|------------------------------------------------------|----------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 4. | Đo vẽ địa hình khu vực mỏ | ha | 2,75 | Giám sát chiều sâu khai thác; đánh giá sạt lở bờ sông | Sau khi kết thúc khai thác hàng năm |
| II | Khu vực ngoài mỏ | | | | |
| 1. | Vệ sinh tuyến đường vận chuyển (đoạn qua khu dân cư) | m ³ | 125 | Giảm thiểu bụi, cát bay | Thường xuyên |
| 2. | Tháo dỡ lán trại tạm, nhà vệ sinh di động | m ² | 40 | Trả lại hiện trạng ban đầu | Hoàn thành trước ngày 30/9 hàng năm |
| 3. | Đóng cọc tre gia cố bờ phía Bắc | m | 50 | Đảm bảo an toàn cho khu vực bờ sông dễ bị sạt lở trong phạm vi khai thác của dự án | Trước khi tiến hành khai thác |

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **166.994.000 đồng** (Một trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 02 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 41.749.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Lần 2, số tiền: 125.245.000 đồng; thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, số 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2022.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không thực hiện

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Sau khi kết thúc khai thác hàng năm Công ty thực hiện tháo dỡ đường nội bộ đảm bảo thông thoáng dòng chảy.

- Thực hiện khai thác đúng quy trình, độ sâu cho phép; tạo góc nghiêng bờ mỏ tại những vị trí có cao độ kết thúc chênh lệch lớn so với mặt bằng bên ngoài nhằm giảm thiểu sạt lở.

- Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sạt lở hai bên bờ, ảnh hưởng đến diện tích hoa màu của bà con. Công ty sẽ phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

- Đoạn đường đất được giữ lại sau khi kết thúc khai thác để phục vụ cho nhu cầu đi lại của người dân (theo xác nhận của UBND xã Ân Đức tại Văn bản số 19/CV-GHQT ngày 09/11/2022). Sau khi kết thúc khai thác Công ty bàn giao

lại cho địa phương quản lý và sử dụng.

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác: không

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giám sát nước mặt khu vực hạ lưu của mỏ khai thác với các thông số: pH, tổng chất rắn lơ lửng, tổng dầu mỡ; so sánh với cột B1, QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt; tần suất giám sát 06 tháng/lần.

5.2. Giám sát bụi lơ lửng (TSP) 01 điểm tại nhà dân phía Nam dự án; so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; tần suất giám sát 06 tháng/lần.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không.